

Số: 91/2026/QĐST-VLĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Minh Vương

Thư ký phiên họp: Ông Phạm Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2
- Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Phạm Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 16/2026/TLST-LĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 4737/2026/QĐST-MPH ngày 10 tháng 6 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm X, xã X, tỉnh Nghệ An.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà NLQ1, sinh năm 1981

Địa chỉ: X khu phố X, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty TNHH F.

Địa chỉ: Lô X Khu Chế Xuất Sài Gòn-Linh Trung, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà H, bà NLQ1 có đơn xin vắng mặt).

(Công ty TNHH F vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu và quá trình giải quyết việc dân sự, bà Nguyễn Thị H là người yêu cầu trình bày:

Năm 2008 do hoàn cảnh khó khăn nên bà NLQ1 có mượn thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thị H để làm hồ sơ đăng ký làm việc tại Công ty TNHH F địa chỉ: Lô X Khu Chế Xuất Sài Gòn-Linh Trung, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh. Hai bên có ký kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội có mã số sổ là *** đóng từ tháng 06/2008 đến tháng 08/2008.

Đồng thời, từ tháng 4/2008 đến tháng 9/2009 thì bà Nguyễn Thị H đang ký kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần giày D và có tham gia đóng bảo hiểm số ***. Nay bà Nguyễn Thị H có tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội thì phát hiện bị trùng quá trình tham gia bảo hiểm xã hội với 02 mã số sổ nêu trên nên không thể làm thủ tục điều chỉnh tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội.

Do đó, bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị H (do bà NLQ1 ký) và Công ty TNHH F (có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 06/2008 đến tháng 08/2008, mã số bảo hiểm xã hội là ***); không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà NLQ1:

Năm 2008, do không đủ giấy tờ tùy thân, không đủ điều kiện ứng tuyển lao động nên bà NLQ1 có sử dụng thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thị H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH F và tham gia Bảo hiểm xã hội với thông tin cá nhân của bà H từ tháng 6/2008 đến tháng 8/2008 với mã số bảo hiểm số ***. Tuy nhiên từ tháng 4/2008 đến tháng 01/2009 thì bà Nguyễn Thị H đang giao hết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần giày D. Bà H có làm thủ tục rút bảo hiểm xã hội thì phát hiện bị trùng quá trình đóng bảo hiểm xã hội nên không rút ra được.

Nay đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H (do bà NLQ1 thực hiện) và Công ty TNHH F thì bà NLQ1 đồng ý với yêu cầu trên và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên họp:

Người yêu cầu là bà Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu. Bà NLQ1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có bản khai và có đơn xin vắng mặt. Công ty TNHH F vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý việc dân sự tới thời điểm mở phiên họp, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền. Thẩm phán tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuân thủ đúng pháp luật; Thư ký phiên họp tuân thủ đúng pháp luật.

Về nội dung: Xét yêu cầu của người yêu cầu là có cơ sở nên yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH F vô hiệu là đúng theo quy định của Khoản 1 Điều 33 Bộ

luật tổ tụng dân sự. Nơi giao kết và thực hiện hợp đồng lao động tại Công ty TNHH F địa chỉ: Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35 và điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; Việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu là bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà NLQ1 có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết việc dân sự. Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH F vắng mặt không có lý do. Việc không cung cấp lời khai và vắng mặt tại phiên họp của Công ty TNHH F không ảnh hưởng đến việc giải quyết việc dân sự. Vì vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc ký kết hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H (do bà NLQ1 thực hiện) và Công ty TNHH F vào tháng 06/2008 nên áp dụng Bộ luật lao động năm 1994, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động số 35/2002/QH10, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động số 74/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động số 84/2007/QH11 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét hợp đồng lao động được ký kết giữa Bà Nguyễn Thị H (do bà NLQ1 thực hiện) và Công ty TNHH F:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ, lời khai của các đương sự có cơ sở xác định Bà Nguyễn Thị H ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH F và làm việc từ tháng 06/2008 đến tháng 08/2008. Theo quy định tại Điều 6 và khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động số 35/2002/QH10, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động số 74/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động số 84/2007/QH11 thì người lao động phải trực tiếp ký kết hợp đồng lao động với người sử dụng lao động. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H không trực tiếp ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH F mà người ký kết thực tế là bà NLQ1, bà NLQ1 mượn thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thị H để giao kết hợp đồng và làm việc tại công ty này nên nội dung của hợp đồng lao động không có tính xác thực, không tuân theo quy định của pháp luật, vi phạm nguyên tắc trung thực và không đúng chủ thể trong giao kết hợp đồng. Vì vậy, hợp đồng lao động không có hiệu lực kể từ ngày giao kết. Do đó, yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị H (do bà NLQ1 thực hiện) và Công ty TNHH F có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị H chịu lệ phí sơ

thảm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 149; khoản 2, khoản 3 Điều 367; Điều 371; Điều 372; Điều 401; Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Căn cứ Điều 6 và khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động số 35/2002/QH10, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động số 74/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động số 84/2007/QH11,

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc tuyên bố Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị H (nhưng do bà NLQ1 thực hiện) và Công ty TNHH F vô hiệu (có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 06/2008 đến tháng 08/2008, mã số bảo hiểm xã hội ***).

2. Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

3. Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện thủ tục về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: bà Nguyễn Thị H phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0012894 ngày 26/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà H đã thực hiện xong.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp đương sự không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn đó được tính từ ngày đương sự nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV2-TPHCM;
- THA TP.HCM;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Minh Vương